

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH
NHƯ Ý BẢO AN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG
ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quang Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Viết dịch : HUYỀN THANH

TỰA
_ PHẨM THỨ NHẤT _

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thế Tôn) ngự tại lầu gác trên đỉnh **Đại Kim Cương Tu Di Lô** (Mahā-vajra-sumeru), an trụ trong **Đại Kim Cương Tam Ma Địa** (Mahā-vajra-samādhi), dùng cây **Kiếp Thọ Đại Kim Cương Trang Nghiêm** (Kalpa-vṛkṣa-mahā-vajra-pramaṇḍita), nơi ánh sáng của hoa sen báu trong cái ao Đại Kim Cương chiếu soi cát Kim Cương mà rải bày trên mặt đất. Ở **cung điện Đế Thích** (Indra-pura) trong **Đạo Trường Kim Cương** (Vajra-maṇḍala) của **Đại Kim Cương gia trì** (Mahā-vajrādhiṣṭhana), dùng câu đê (Koṭi) na dữu đa (Nayuta) trăm ngàn tòa **Đại Kim Cương Sư Tử** (Mahā-vajra-simhāsana) trang nghiêm, nói **Thần Thông Xứ** của Pháp, là nơi mà Thần Lực của tất cả Như Lai đã gia trì, nhập vào **Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Xuất Sinh Tất Bà Nhã Trí** cùng với 84 câu đê na dữu đa Bồ Tát Chúng đến dự. Các Vị này đều là **Bạc Nhất Sinh Bồ Xứ** (Eka-jati-pratibaddha) đối với **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), được thế lực lớn, thấy đều thị hiện **Đại Kim Cương Giải Thoát Tam Ma Địa** (Mahā-vajra-mokṣa-samādhi), thần thông của cõi Phật, trong khoảng sát na tùy tiện vào Tâm Hạnh của tất cả Hữu Tình, thành tựu mọi thứ đẹp đẽ màu nhiệm rộng lớn thâm sâu, khéo nói các Pháp, biện tài không ngăn ngại, được Đại Thần Thông đều hay cúng dường vô lượng Như Lai trong thế giới của Phật, Thần Thông tự tại của **Đại cúng dường vân hải giải thoát Tam Ma Địa** (Mahā-pūja-megha-samudra-mokṣa-samādhi), **Bất Cộng Giác Phần Đạo Chi**, tất cả **Địa Ba La Mật** (Pāramitā-bhūmi), **bốn Nhiếp** (Catvāri saṃgraha-vastūni) khéo léo, sức của **Từ** (Maitra) **Bi** (Kāruṇa) **Hỷ** (Pramoda) **Xả** (Upekṣa), xa lìa trong sự nối tiếp của Tâm thanh tịnh.

Các vị ấy tên là: **Kim Cương Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-ākāśa-garbha), **Kim Cương Nhân** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-netre), **Kim Cương Thân** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-kāya), **Kim Cương Tuệ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-mati), **Kim Cương Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi), **Kim Cương Trương Kịch** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-praharāṇa), **Kim Cương Na La Diên** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-nārāyaṇa), **Kim Cương Du Hý** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tích** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-kuṭa), **Kim Cương Kế** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-jata), **Kim Cương Diệu** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tràng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-keṭu)...Các bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) như vậy cùng với chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đều đến dự.

– Lại có **Chúng Đại Thanh Văn** (Mahatā-srāvaka-saṃgha) đều là Bậc Đại A La Hán đã đoạn trừ **Hữu Kết** (quả báo của sinh tử), chấm dứt tất cả các **Lậu** (Āsrava), được **Thiện Giải Thoát** của Tâm **Thiện Chính Tri**, đều hay thị hiện Du Hý Thần Cảnh Thông của sức Thần Thông chẳng thể nghĩ bàn, đều được thể lực lớn, không dính mắc vào sự thấy (Kiến vô trước), xa lìa tất cả cấu nhiễm, thiêu đốt hạt giống Tập Khí.

Các vị ấy tên là: **Cụ Thọ** (Āyusmata:Trưởng lão, Tôn Giả, Đại Đức...Lại xưng là **Tuệ Mệnh**) **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), **Cụ Thọ Mãn Từ Tử** (Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra), **Cụ Thọ Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphilena), **Cụ Thọ Ca Diệp Ba** (Kāśyapa), **Cụ Thọ Đại Ca Diệp Ba** (Mahā-kāśyapa), **Cụ Thọ Ưu Lô Tàn Loa Ca Diệp Ba** (Urubilvā-kāśyapa)...Các bậc Thượng Thủ như vậy cùng với chúng Đại Thanh Văn đều đến dự.

– Lại có **Đại Tự Tại Thiên Tử** (Maheśvara-devaputra) là bậc Thượng Thủ cùng với vô lượng vô biên bất khả thuyết a tăng kỳ chúng **Tĩnh Cư Thiên Tử** (Suddhāvāsa-devaputra) đều đến dự.

– Lại có **Sa Ha Thế Giới Chủ Đại Phạm Thiên Vương** (Sāhaṃpati) là bậc Thượng Thủ cùng với **Phạm Chúng Thiên Tử** (Brāhma-Parsādyā-devaputra) đều đến dự.

– Lại có **Tô Dạ Ma Thiên Tử** (Suyama-devaputra), **Hóa Lạc Thiên Tử** (Nirmānarati-devaputra), **Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử** (Para-nirmita-vaśa-vartin-devaputra), **Thiên Đế Thích** (Indra, hay Śakra) cùng với các **Thiên Tử** (Devaputra) dùng làm **quyền thuộc** (Parivāra) đều đến dự.

– Lại có **Tỳ Ma Chất Đa La A Tô La Vương** (Vemacitra-asura-rāja), **Mạt La A Tô La Vương** (Vali-asura-rāja), **Linh Hoan Hỷ A Tô La Vương**, **Chiếu Diệu A Tô La Vương**, **La Hâu A Tô La Vương** (Rahu-asura-rāja). Các A Tô La Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên A Tô La Vương (Asura-rāja) dùng làm **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Sa Già La Long Vương** (Sāgara-nāga-rāja), **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), **Tô Phục Chỉ Long Vương** (Vāṣuki-nāga-rāja), **Thương Khư Ba La Long Vương** (Śaṅkha-pāla-nāga-rāja), **Yết Cú Tra Ca Long Vương** (Karkoṭaka-nāga-rāja), **Liên Hoa Long Vương** (Padma-nāga-rāja), **Đại Liên Hoa Long Vương** (Mahā-padma-nāga-rāja). Nhóm Long Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên a câu đề chúng **Long Vương** (Nāga-rāja) đều đến dự.

– Lại có **Thọ Khẩn Na La Vương** (Druma-kiṃnara-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Khẩn Na La Vương** (Kimnara-rāja) **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Nhất Thiết Nghĩa Thành Trụ Trì Minh Tiên Vương** (Sarvārtha-siddhi-vidya-dhāra-ṛṣi-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Trì Minh Tiên Vương** (Vidyadhāra-ṛṣi-rāja) **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Ngũ Kế Càn Thát Bà Vương** (Paṃca-jaṭa-gandharva-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Càn Thát Bà Vương** (Gandharva-rāja) **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Kim Ngân Nghiệt Lộ Trà Vương** cùng với vô lượng vô biên **Nghiệt Lộ Trà Vương** (Garuḍa-rāja) **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Đa Văn Dược Xoa Vương** (Vaiśravaṇa-yakṣa-rāja), **Bảo Hiền Dược Xoa Vương** (Maṇi-bhadra-yakṣa-rāja), **Mãn Hiền Dược Xoa Vương** (Pūrṇa-bhadra yakṣa-rāja), **Bán Chi Ca Dược Xoa Vương** (Pañcika- yakṣa-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Dược Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có **Ha Lợi Đế Mẫu** (Hārtye Mātṛ) cùng với 500 người con dùng làm **quyền thuộc** đều đến dự.

– Lại có 7 vị **Hộ Thế Mẫu Thiên**, 7 vị **Đại La Sát Mẫu**, 7 vị **Tiên Thiên** dạo chơi trên hư không, 9 vị **Chấp Diệu Thiên**, **Phương Ngung Địa Thiên**, **Biện Tài Thiên Nữ** (Sarasvati-devi) cùng với quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Bộ Đa** (Bhūta). Tất cả đều là bậc có Đại uy đức cùng với quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có tất cả **Sơn Vương** (Parvata-rāja), tất cả **Hải Vương** (Sāgara-rāja), **Hộ Thế Vương** (Loka-pāla-rāja), **Thủy Thiên** (Varuṇa-deva), **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra-devarāja), **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūdhaka-devarāja), **Ác Mục Thiên Vương** (Virūpakṣa-devarāja), **Trì Bồng La Sát Chủ** (Daṇḍa-dhāra-rākṣasādhipati), 7 vị **Phong Thiên** (Vāyu-deva), **Y Xá Na Thiên** (Īśāna-deva) với các bà vợ cùng với 1000 câu đê na dữu đa quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva) cùng với quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có Nại Đa Ca Na Ma Ca, Lỗ Hạ Ca, Đại Già Na Bát Đê, Di Cù La Ca.... **Tỳ Na Dạ Ca Vương** (Vināyaka-rāja) của nhóm như vậy cùng với vô lượng vô biên **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có 60 vị **Du Hành chư Thành Bảo Vương** với quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có **bốn chị em Thần Nữ** (Caturbhagiṇī) với người anh là quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có **Kim Cương Thương Yết La Nữ** (Vajra-saṃkaranī) cùng với 64 vị **Kim Cương Nữ** (Vajriṇī) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có **Kim Cương Quân Đồng Tử** (Vajra-sena-kumāra), **Tô Ma Hồ Đồng Tử** (Subāhu-kumāra), **Đỉnh Hạnh Đồng Tử** cùng với vô lượng vô biên **Kim Cương Tộc** (Vajra-kuāya) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

– Lại có hàng tin tưởng trong sạch nơi **Phật** (Buddha), **Pháp** (Dharma), **Tăng** (Saṃgha) là: **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Được Xoa** (Yaksa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kimnara), **Ma Hộ La Già** (Mahoraga), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **A Bát Sa Ma La**, (Apsamāra), **Ốt Ma Na** (Unmāda), Sa Đỉnh Sa, Tứ Lý Ca, **Ô Tất Đa La Ca** (Ostakara), **Nhật Nguyệt Thiên Tử**, **Thần Triều Thiên**, **Nhật Ngọ Thiên**, **Hoàng Hôn Thiên**, **Trung Dạ Thiên**, **Nhất Thiết Thời Thiên** cùng với vô lượng vô biên a tăng kỳ quyền thuộc đều đến dự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khéo chuyển bánh xe Pháp, làm xong việc Phật, viên mãn **Phước Đức Trí Tuệ cứu cánh**, khéo nhiếp thọ **Nhất Thiết Trí Đại Bồ Đề**, đắc được **Xí Thịnh Địa Ba La Mật**, dùng 32 tướng Đại Trượng Phu trang nghiêm **Pháp Thân** (Dharma-kāya), dùng 84 vẻ đẹp trang nghiêm tất cả chi phần, Tướng mà tất cả Hữu Tinh không có chỗ **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka), vượt hơn hẳn tất cả **Ma La** (Māra), thông đạt **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna), đầy đủ năm loại mắt, thành tựu tất cả Tướng, thành tựu **Nhất Thiết Trí Trí**, thành tựu tất cả Phật Pháp, đập nát dị luận của tất cả **Ma** (Māra), hiển cao danh xưng **Đại Hùng Mãnh Sư Tử Hồng**, phá hoại vô minh hắc ám. Dùng chỗ đã gom chứa các **Ba La Mật** (Pāramiā): **Thí** (Dāna), **Giới** (Śīla), **Nhẫn** (Kṣānti), **Cần Dũng** (Vīrya), **Tĩnh Lự** (Dhyāna), **Bát Nhã** (Prajña), **Phương Tiện** (Upāya), **Nguyện** (Pranidhana), **Lực** (Bala), **Trí** (Jñāna), **Khổ Hạnh** (Duṣkara, hay Tapas) khó hành trong vô lượng vô biên a tăng kỳ trăm ngàn câu đê na dữu đa kiếp, chuyển được 32 tướng Đại Nhân, 84 vẻ đẹp trang nghiêm.

Thân ấy ngồi trên Tòa **Đại Bảo Kim Cương Liên Hoa Tạng Sư Tử** (Mahā-ratna-vajra-padma-garbha-simhāsana). Tòa ngồi đó được trang nghiêm bằng vô lượng Kim Cương, vòng lưới ngọc báu... khi gió nhẹ thổi qua đều phát ra âm thanh màu nhiệm. Dùng vô lượng **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) an trụ Thần Túc. Dùng vô

lượng báu Kim Cương trang nghiêm cho viên ngọc đỏ do con **cá Ma Kiệt** (Makāra) phun ra và dùng miệng ngậm lại. Dùng vô lượng báu trang sức nhụy hoa sen. Dùng **Hồ Phách** (?Lohita-mukta:Xích chu), **Đại Hồ Phách** (Mahā-lohita-mukta), **Đế Thanh** (Indra-nīla-muktā), **Đại Đế Thanh** (Mahendra-nīla-muktā), **Bổ Sa La Già**...trang nghiêm cái lưới ánh sáng rộng khắp đoan nghiêm. Dùng vô lượng báu Kim Cương trang nghiêm cái cán của cây phan cây lọng. Dùng bóng mát của vô lượng câu đề na dữu đa trăm ngàn cây **Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa) trang nghiêm

Tòa ngồi ấy rộng lớn như **Tu Di** (Sumeru) giống như ngọn núi vàng tỏa ánh hào quang rực rỡ sáng chói tốt lành vượt hẳn một ngàn mặt trời.

Mặt đất của nơi ấy tròn đầy giống như mặt trăng trong sạch khiến cho các Hữu Tình vui thích ngắm nhìn Pháp của Như Lai, như hoa hé nở của cây **Đại Kiếp Thọ** (Mahā-kalpa-vṛkṣa) ấy. Pháp màu nhiệm đã nói: Ban đầu, khoảng giữa, chặng cuối đều tốt lành. Lời nói về nghĩa thâm sâu của Pháp ấy rất khéo léo, thanh tịnh, tinh khiết, thuần nhất không pha tạp.

Khi ấy từ **Đỉnh đầu** (Uṣṇīṣa) và **Hào Tướng** (Ūṛṇa) của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng này chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới cho đến như hàng hà sa số Thế Giới của Phật. Hết thầy Như Lai ở Thế Giới đó ngồi trên Tòa Sư Tử được trang nghiêm bằng vô lượng báu, ngự bên trong lầu gác đại trang nghiêm, nói Pháp cùng với tất cả Bồ Tát, Đại Thanh Văn, Bất Sở, Bất Sở Ni, Tịnh Tín Nam, Tịnh Tín Nữ, Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tô La, Nghiệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hộ La Già...thầy đều được chiếu diệu mà hiển hiện rõ ràng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì khắp tất cả mà nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) là :

_ Nay Ta nói **Tuỳ Cầu** (Pratisāra)

Thương nhớ các Hữu Tình

Đại Đà La Ni (Mahā-dhāraṇī) này

Hay đập kẻ khó phục

Các tội nặng cực ác

_ Nếu mới được nghe qua

Tuỳ Cầu Đà La Ni (Pratisāra-dhāraṇī)

Tất cả tội tiêu diệt

An vui các Hữu Tình

Giải thoát tất cả bệnh

Đại Bi vì chúng sinh

Nên Đức Thế Tôn nói

Làm cho được giải thoát

Xa lìa các nẻo ác

_ Nếu vào **cung Tu La** (Asura-pura)

Cung **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa)

Bộ Đa (Bhūta), **Rồng** (Nāga), **Quỷ** (Preta), **Thần** (Devatā)

Các cung điện như vậy

Tùy ý vào được cả

Đều dùng **Đại Minh** (Mahā-vidya) này

Mà làm nơi gia hộ

_ Nơi chiến đấu hiểm nguy

Chẳng bị oán trở hại

Với các hàng Quỷ My

Do xung **Đà La Ni** (Dhāraṇī)

Các My đều hoại diệt

_ **Sa Kiển** (Skandha), **Ót Mạt Na** (Unmāda)
Tất Xá (Piśāca), **Noa Cát Nễ** (Dākinī)
 Mãnh ác hút Tinh Khí
 Thường hại loài Hữu Tình
 Thấy đều bị diệt hết
 Do Đức **Tùy Cầu** diệt
 Địch đều bị diệt hoại
 _ Đã làm Pháp Chú Trớ
 Yểm Đảo đều vô hiệu
 Định nghiệp chẳng thọ báo
 Chẳng bị trúng Cô Độc
 Nước, lửa với đao, gậy
 Sấm sét, sương, mưa đá
 Gió bão, mưa bạo ác
 Các nạn đều được thoát
 Oán địch đều giáng phục
 _ Nếu người trì **Minh** (Vidya) này
 Hoặc đeo cổ, đeo tay
 Mọi nguyện cầu đều thành
 Tất cả điều mong ước
 Thấy đều được như ý
Thiên Vương (Deva-rāja) đều gia hộ
 Với các **Đại Long Vương** (Mahā-nāga-rāja)
Bồ Tát (Bodhisatva), **Đại Càn Dũng** (Mahā-vīra)
Duyên Giác (Pratyeka-buddha) và **Thanh Văn** (Śrāvaka)
 Tất cả các **Như Lai** (Tathāgata)
Minh Phi (Vidya-rājñī), **Đại Uy Đức** (Mahā-teja)
 Thấy đều cùng ủng hộ
 _ Người thọ trì **Tùy Cầu** (Pratisāra)
Kim Cương Bí Mật Chủ (Vajra-guhyakādhipati)
Bốn Thiên Vương (Catvāraḥ-mahā-rājikāḥ) **Hộ Thế** (Loka-pāla)
 Đối với người Trì tụng
 Ngày đêm thường gia hộ
 Chúng **Đế Thích** (Indra), **Đao Lợi** (Trāyastriṃśa)
Phạm Vương (Brahma-rāja), **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu)
 Với **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara)
 Chúng sinh **Câu Ma La** (Kumāra)
Đại Hắc (Mahā-kāla), **Hỷ Tự Tại** (Nāndikeśvara)
 Tất cả chúng **Thiên Mẫu** (Mātṛ-gaṇa)
 Với các **Ma Chúng** (Māra-gaṇa) khác
Khổ Hạnh Uy Đức Tiên
 Cùng với **Mật Ngũ Thiên** (Guhya-vāk-deva)
 Thấy đều đến ủng hộ
 _ Người trì **Tùy Cầu** này
Minh Phi (Vidya-rājñī), **Đại Bi Tôn** (Mahā-kāruṇa-nātha)
 Dững mãnh đủ thần lực
Ma Ma (Māmaki), **Tỳ Câu Đê** (Bhṛkuṭi)
Đa La (Tārā), **Ưng Câu Thi** (Amḥkuṣe)

Cùng với **Kim Cương Tỏa** (Vajra-śamkhara)
Bạch Y (Paṇḍara-vāsini), **Đại Bạch Y** (Mahā-pañḍara-vāsini)
Thánh **Ma Ha Ca Ly** (Mahā-kāli)
Sứ Giả (Ceta), **Kim Cương Sứ** (Vajra-ceta)
Diệu Sách (Su-pāśa), **Kim Cương Sách** (Vajra-pāśa)
Chấp Luân (Cakra-dhāra) **Đại Lực Giả** (Mahā-bala)
Kim Cương Man Đại Minh (Vajra-māle-mahā-vidya)
Cam Lộ Quân Trà Lợi (Amṛta-kunḍali)
Vô Năng Thắng Minh Phi (Apārajita-vidya-rājñī)
Hắc Nhĩ (Kṛṣṇa-karna), **Cát Tường Thiên** (Śrī-devī)
Đại Phước Uy Đức Tôn (Mahā-puṇya-teja-nātha)
Liên Hoa Quân Trà Lợi (Padma-kunḍali)
Hoa Xỉ (Puṣpa-danti) với **Châu Kế**
Kim Man, Chất Nguyệt La
Đại Uy Đức Cát Tường
Với **Điện Trang Nghiêm Thiên**
Nhất Kế Đại La Sát (Eka-jaṭa-mahā-rākṣasa)
Với **Phật Địa Hộ Tôn** (Buddha-dhara-pālani)
Ca Ba Lợi Minh Nữ
Lăng Già Tự Tại Tôn (Lañkeśvara)
Với nhiều loại Chúng khác
Nhóm ấy đều ủng hộ
_ Do **Đại Minh** tại tay
Ha Lợi Đế (Hārtye) với con
Đại Tướng **Bán Chi Ca** (Pañcika)
Thương Khí Ni (Saṃkhini), **Tích Xỉ** (Kuṭa-danti)
Cát Tường (Śrī) và **Biện Tài** (Sarasvatī)
Do trì **Mật Ngôn** này
Ngày đêm thường đi theo
_ Nếu có các người nữ
Trì **Đà La Ni** này
Kẻ ấy đều thành tựu
Trai Gái ở trong thai
Thai an ổn tăng trưởng
Sinh nở đều an vui
Tất cả bệnh đều trừ
Các tội đều tiêu diệt
Phước lực thường đầy đủ
Lúa gạo với tài bảo
Thầy đều được tăng trưởng
Lời nói khiến vui nghe
Nơi đến, được cung kính
Nam tử với nữ nhân
Thanh tịnh hay thọ trì
Thường ôm Tâm Từ Bi
Cứu giúp các Hữu Tình
Nguyện họ được an vui
Khiến họ lìa bệnh tật

Quốc Vương và Hậu Cung
Đều sinh Tâm cung kính
Cát Tường thường xí thịnh
Nhóm Phước đều tăng trưởng
Tất cả Pháp Chân Ngôn
Thầy đều được thành tựu
Thành nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)
Được thành **Tam Muội Gia** (Samaya)

_ Như Lai thành thật nói
Chẳng hay gặp mộng ác
Đều diệt trừ các tội
Phiền não và oán địch
Diệt tai họa Chấp Diệu
Đại Trí Tự Tại nói
Hay mãn nguyện ước khác
Vì thế nay Ta nói
Đại Chúng đều nghe kỹ

“Năng mô tát phộc đát tha nga đa nam (NAMO SARVA TATHĀGATĀNĀM)

Năng mô năng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đa-phộc _ Một đà, đạt ma, tăng khế tỳ được (NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVA_ BUDDHA, DHARMA, SAṂGHEBHYAḤ)

Án (OM)

Vĩ bồ la nghiệt bệ (VIPULA GARBHE)

Vĩ bồ la, vĩ ma lê, nhạ dã nghiệt bệ (VIPULA VIMALE JAYA GARBHE)

Phộc nhật-la, nhập-phộc la, nghiệt bệ (VAJRA JVALA GARBHE)

Nga để, nga hạ nãnh (GATI GAHANE)

Nga nga năng, vĩ thú đà ninh (GAGANA VIŚODHANE)

Tát phộc bá bả, vĩ thú đà ninh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)

Án (OM)

Ngu noa, phộc để (GUṆA VATI)

Nga nga lị ni (GAGARINI)

Nghĩ lị, nghị lị (GIRI GIRI)

Nga ma lị, nga ma lị (GAMĀRI GAMĀRI)

Ngược hạ, ngược hạ (GAHA GAHA)

Nghiệt nga lị, nghiệt nga lị (GARGĀRI GARGĀRI)

Nga nga lị, nga nga lị (GAGARI GAGARI)

Nghiêm bà lị, nghiêm bà lị (GAMBHARI GAMBHARI)

Nga để, nga để (GATI GATI)

Nga ma nãnh, nga lệ (GAMANI GARE)

Ngu lỗ, ngu lỗ, ngu lỗ ni (GŪRU GŪRU GŪRUṆE)

Tả lệ, a tả lệ, mẫu tả lệ (CALE ACALE MUCALE)

Nhạ duệ, vĩ nhạ duệ (JAYA VIJAYA)

Tát phộc bà dã, vĩ nga để (SARVA PĀPA VIGATE)

Nghiệt bà, tam bà la ni (GARBHA SAMBHARANI)

Tất lị, tất lị (SIRI SIRI)

Nhĩ lị, nhĩ lị (MIRI MIRI)

Chi lị, chi lị (GHIRI GHIRI)

Tam mãn đá, ca la-sái ni (SAMANTA AKARṢANI)
Tát phộc thiết đốt-lỗ, bát-la ma tha nãnh (SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI)
La khắt-sái, la khắt-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi, họ tên....) (MAMA)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANĀMCA)
Vĩ li, vĩ li (VIRI VIRI)
Vĩ nga đá (VIGATA)
Phộc la noa bà dã nấng xả nãnh (AVARAṆI BHAYA NĀŚANI)
Tô li, tô li (SURI SURI)
Tức li (CILI)
Kiểm ma lê, vĩ ma lê, nhạ duệ (KAMALE VIMALE JAYE)
Nhạ dã, phộc hề (JAYA VAHE)
Nhạ dã phộc đễ, bà nga phộc đễ (JAYA VATI BHAGAVATI)
La đất-nấng ma củ tra, ma la đà li (RATNA MAKUṬA MĀLĀ-DHĀRI)
Ma hộ, vĩ vĩ đa , vĩ tức đất-la, phệ sái, lỗ bặt, đà li ni (BAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRAṆĪ)
Bà nga phộc đễ (BHAGAVATI)
Ma hạ vĩ nễ-dã, nê vĩ (MAHĀ VIDYA DEVI)
La khắt-sái, la khắt-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi, tên là.....) (MAMA.....)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANĀMCA)
Tam mãn đá, tát phộc đất-la (SAMANTA SARVATRĀ)
Tát phộc bá bả, vĩ thú đà nãnh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
Hộ lỗ, hộ lỗ (HULU HULU)
Nhược khắt-sát đất-la, ma la, đà li ni (NAKSATRA MĀLĀ-DHĀRAṆĪ)
La khắt-sái hàm (RAKṢA MĀM)
Ma ma (Tôi, tên là....) (MAMA.....)
A nấng tha tả (ANĀTHAṢYA)
Đất-la noa, bả la gia noa tả (ATRĀṆA PARĀYANAṢYA)
Bả li mô tả, dã minh (PARIMOCA YĀ ME)
Tát phộc nậu khế tỳ dục (SARVA DUḤKHEBHYAḤ)
Chiến ni, chiến ni, tán nị nãnh (CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI)
Phệ nga phộc đễ (VEGA VATI)
Tát phộc nốt sắt-tra, nãnh phộc la ni (SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆĪ)
Thiết đốt-lỗ, bạc khắt-xoa (ŚATRŪ PAKṢA)
Bát-la mạt tha nãnh (PRAMATHANI)
Vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh (VIJAYA VĀHINI)
Hộ lỗ, hộ lỗ (HURU HURU)
Mẫu lỗ, mẫu lỗ (MURU MURU)
Tổ lỗ, tổ lỗ (CURU CURU)
A dục, bá la nãnh, tô la (AYUḤ PĀLANI SURĀ)
Phộc la, mạt tha nãnh (VARA MATHANI)
Tát phộc, nê phộc đá (SARVA DEVATĀ)
Bồ tử đễ (PŪJITE)
Địa li, địa li (DHIRI DHIRI)
Tam mãn đá phộc lộ chỉ đễ, bát la bệ (SAMANTA AVALOKITE PRABHE)
Bát-la bệ, tô bát-la bà (PRABHE SUPRABHA)
Vĩ truật đệ (VIŚUDDHE)

Tát phộc bá bá, vĩ thú đà ninh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
Đạt la, đạt la, đạt la ni (DHARA DHARA DHARAṆI)
La la đạt lệ (RARA DHARE)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Lỗ lỗ tả lệ (RURU CALE)
Tả la gia, nô sắt-lãng (CALĀYA DUṢṬA)
Bồ la dã minh, a thêm, thất-lị (PŪRAYA ME ĀSAM ŚRĪ)
Phộc bồ đà nam (VAPUDHANAM)
Nhạ dã, kiếm ma lê (JAYA KAMALE)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát la ni, tát la năng củ thể (VARADE VARADA AṆKUŚE)
Án (OM)
Bát nột-ma, vĩ truật đệ (PADMA VIŚUDDHE)
Thú đà dã, thú đà dã (ŚODHAYA ŚODHAYA)
Thuấn đệ (ŚUDDHE)
Bạt la, bạt la (BHARA BHARA)
Tỷ lị, tỷ lị (BHIRI BHIRI)
Bộ lỗ, bộ lỗ (BHURU BHURU)
Mộng nga la, vĩ thuấn đệ (MAMGALA VIŚUDDHE)
Bạt vĩ dát-la, mục khế (PAVITRA MUKHE)
Khất nghĩ ni, khất nghĩ ni (KHARGAṆI KHARGAṆI)
Khur la, khur la (KHARA KHARA)
Nhập-phộc lý đa, thủy lệ (JVALITA ŚIRE)
Tam mãn đa, bát-la sa lị đá, phộc bà tát đa, truật đệ (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA ŚUDDHE)
Nhập-phộc la, nhập-phộc la (JVALA JVALA)
Tát phộc, nê phộc nga noa, tam ma đa, ca la-sái ni (SARVA DEVAGAṆA SAMATĀ AKARṢAṆI)
Tát đế-dã phộc đế (SATYA VATI)
La hộ, la hộ (LAHU LAHU)
Hộ nộ, hộ nộ (HUNU HUNU)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc nghĩ-la hạ, bạc khất-sái ni (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)
Vĩnh nga lý, vĩnh nga lý (PIṆGALI PIṆGALI)
Tổ mẫu, tổ mẫu (CUMU CUMU)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Tổ mẫu tả lệ (CUVI CARE)
Đa la, đa la (TĀRA TĀRA)
Năng nga, vĩ lộ chỉ nãnh, đa la dã, đồ hàm (NĀGA VILOKITE TĀRĀYA TUMAM)
Bà nga phộc đế (BHAGAVATI)
A sắt-tra ma hạ bà duệ tỳ dược (AṢṬA MAHĀ BHAYEBHYAḤ)
Tam muộn nại-la (SAMUDRA)
Sa nga la (SĀGARA)
Bát lị-dần đảm, bá đá la, nga nga năng, dát lăm (PRATYANTĀM PĀTĀLA GAGANA TALAM)
Tát phộc dát la (SARVATRĀ)
Tam mãn đế năng (SAMANTENA)

Nễ xả, mãn đê năng (DIŚA BANDHENA)
Phộc nhật-la, bát-la ca la (VAJRA PRĀKĀRA)
Phộc nhật-la, bá xả, mãn đà mật năng (VAJRA PĀŚA BANDHANE)
Phộc nhật-la, nhập phộc-la, vĩ truật đê (VAJRA JVALA VIŚUDDHE)
Bộ lệ, bộ lệ (BHURI BHURI)
Nghiệt bà, phộc để (GARBHA VATI)
Nghiệt bà, vĩ thú đà nãnh (GARBHA VIŚODHANE)
Câu khát-sử, tam bố la ni (KUKṢI SAMPŪRAṆI)
Nhập phộc-la, nhập phộc-la (JVALA JVALA)
Tả la, tả la (CALA CALA)
Nhập phộc-lý nãnh (JVALAṆI)
Bát-la vạt sát đở, nê phộc (PRAVAŚATU DEVA)
Tam mãn để nãnh (SAMANTENA)
Nễ miểu ná kế nãnh (DIDHYODAKENA)
A mật-lật đa, phộc la-sái ni (AMṚTA VARṢAṆI)
Nê phộc đá phộc đá la ni (DEVA DEVA-DHĀRAṆĪ)
A ty tru giả minh (ABHIṢIṆCA TUME)
Tô nga đa (SUGATA)
Phộc tả năng, mật-lật đa (VACANA AMṚTA)
Phộc la, phộc bổ sai (VARA VAPUṢPE)
La khát-sái, la khát-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi tên là.....) (MAMA.....)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀMCA)
Tát phộc đất-la (SARVATRĀ)
Tát phộc ná (SARVADĀ)
Tát phộc bà duệ tỳ-dược (SARVA BHAYEBHYAḤ)
Tát mạo bát nại-la phệ tỳ-dược (SARVOPADRAVEBHYAḤ)
Tát mạo bả tăng nghê tỳ-dược (SARVOPASAGREBHYAḤ)
Tát phộc nốt sắt-tra, bà dã, ty đất tả (SARVA DUṢṬA BHAYA
BHĪTAŚYA)
Tát phộc ca lệ, ca la hạ, vĩ nghiệt la hạ (SARVA KĀLI KALAHA
VIGRAHA)
Vĩ phộc ná (VIVĀDA)
Nậu tát-phộc bả-nan nốt nãnh nhĩ đá (DUḤSVAPNĀM DURNI MINTA)
Mộng nga la (AMAMGALLYA)
Bá bá (PĀPA)
Vĩ năng xả nãnh (VINĀŚAṆI)
Tát phộc dược khát-xoa (SARVA YAKṢA)
La khát-sái sa (RĀKṢASA)
Năng nga (NĀGA)
Nãnh phộc la ni (NIVĀRAṆI)
Tát la ni, sa lệ (SARAṆI SARE)
Ma la, ma la, ma la phộc để (BALA BALA _ BALA VATI)
Nhạ dã, hạ dã (JAYA JAYA)
Nhạ dã đở hàm (JAYA TUMAM)
Tát phộc tát-la (SARVATRĀ)
Tát phộc la lam (SARVA KĀRAM)
Tát đê đở minh (SIDDHE TUME)

É hàm, ma hạ vĩ niệ̣m, sa ðà ðã (IMĀM MAHĀ-VIDYA SĀDHAYAT)
Sa ðà ðã, tát phộc mạn noa la (SĀDHAYAT SARVA MAṄḌALA)
Sa ðà nãnh già ða ðã (SĀDHANI GHĀTAYA)
Tát phộc vĩ cậ̣n-nãnh (SARVA VIGHNAM)
Nhạ ðã, nhạ ðã (JAYA JAYA)
Tát ðệ, tát ðệ (SIDDHE SIDDHE)
Tô tát ðệ (SUSIDDHI)
Tát ðịa-ðã, tát ðịa-ðã (SIDDHYA SIDDHYA)
Một ðịa-ðã, một ðịa-ðã (BUDDHYA BUDDHYA)
Bố la ðã, bố la ðã (PŪRAYA PŪRAYA)
Bố la ni, bố la ni (PŪRAṆI PŪRAṆI)
Bố la ðã, mính, a thiêm (PŪRAYA ME ĀŚAM)
Tát phộc vĩ nễ ðã (SARVA VIDYA)
Địa nga ða (ADHIGATA)
Một lậ̣t-ðế (MŪRTTE)
Nhạ dụ ða lị (JAYOTTARI)
Nhạ dụ phộc ðế (JAYA VATI)
Đế sặ́t-xá, đế sặ́t-xá (TIṢṬA TIṢṬA)
Tam ma ðã ma nễ bá la ðã (SAMAYAM ANUPĀLAYA)
Đát tha nghiệ̣t ða, ngậ̣t-lị nãi ðã (TATHĀGATA HRDAYA)
Thuấn ðệ (ŚUDDHE)
Nhĩ-ðã phộc lộ ca ðã hàm (VYĀVALOKAYA MĀM)
A sặ́t-tra ty, ma hạ ná lổ noa bà (AṢṬA MAHĀ DĀRUṆA BHAYE)
Tát la, tát la (SARA SARA)
Bát-la sa la, bát-la sa la (PRASARA PRASARA)
Tát phộc phộc la noa, ty thú ða nãnh (SARVA AVARAṆA VIŚODHANE)
Tam mậ̃n ðá, ca la, man noa la, vĩ thuấn ðệ (SAMANTA KĀRA MAṄḌALA VIŚUDDHE)
Vĩ nga ðế, vĩ nga ðế, vĩ nga ða, ma la, vĩ thú ða nãnh (VIGATE VIGATE VIGATA MĀRA VIŚODHANE)
Khặ́t-sự̉ ni, khặ́t-sự̉ ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc bá bả, vĩ thuấn ðệ (SARVA PĀPA VIŚUDDHE)
Ma la, vĩ nghiệ̣t ðế (MĀRA VIGATE)
Đế nhạ phộc ðế (TEJA VATI)
Phộc nhậ̣t-la phộc ðế (VAJRA VATI)
Tát-lậ̣t lộ chỉ-ðã, ðịa sặ́t-xĩ ðế, sa-phộc hạ (TRAILOKYA ADHIṢṬITE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha, một ða, vĩ sặ́t cậ̣t-ðế, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀ BUDDHA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc mạ̣o ðịa tát ða-phộc, vĩ sặ́t cậ̣t-ðế, sa-phộc hạ (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc nê phộc ða, vĩ sặ́t cậ̣t-ðế, sa-phộc hạ (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha nga ða, cậ̣t-lị nãi dụ, ðịa sặ́t xỉ ða, hậ̣t-lị nãi dụ, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA HRDAYA ADHIṢṬITA HRDAYE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha nga ða, tam ma ðã, tát ðệ, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE _ SVĀHĀ)

Ấn nại-lê, ấn nại-la phộc đê, ấn nại-la, nhĩ-dã phộc lộ chỉ đê, sa-phộc hạ (INDRE INDRAVATI INDRA VYĀVALOKITE _ SVĀHĀ)

Một-la hám-mính, một-la hám-ma, đê-dũu sử đê, sa-phộc hạ (BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE _ SVĀHĀ)

Vĩ sắt-nỗ, năng mạc tắc cật-li đê, sa-phộc hạ (VIṢṆU NAMASKRTE _ SVĀHĀ)

Ma hệ thấp-phộc la, mấn nễ đả, bố nhĩ đá duệ, sa-phộc hạ (MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYE _ SVĀHĀ)

Phộc nhật-la đà la, phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ li-dã, địa sắt-xỉ đê, sa-phộc hạ (VAJRADHĀRA VAJRAPĀNI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE _ SVĀHĀ)

Địa-lã đả la sắt-tra-la dã, tát-phộc hạ (DHṚTARĀṢṬRĀYA _ SVĀHĀ)

Vĩ lỗ trà ca dã, tát-phộc hạ (VIRŪDHAKĀYA _ SVĀHĀ)

Phệ thất-la ma noa dã, tát-phộc hạ (VAIŚRAVAṆĀYA _ SVĀHĀ)

Tạt đót ma hạ la nhạ năng mạc tắc-cật-li đá dã, tát-phộc hạ (CATUR MAHĀ RĀJA NAMASKRTĀYA _ SVĀHĀ)

Diêm ma dã, tát-phộc hạ (YAMĀYA _ SVĀHĀ)

Diêm ma bố nhĩ đả, năng mạc tắc-cật-li đá dã, tát-phộc hạ (YAMA PŪJITA NAMASKRTĀYA _ SVĀHĀ)

Phộc lỗ noa dã, Tát-phộc hạ (VARUṆĀYA _ SVĀHĀ)

Ma lỗ đá dã, Tát-phộc hạ (MARŪTĀYA _ SVĀHĀ)

Ma ha ma lỗ đá dã, Tát-phộc hạ (MAHĀ MARŪTĀYA _ SVĀHĀ)

A ngân-năng duệ, Tát-phộc hạ (AGNAYE _ SVĀHĀ)

Năng nga vĩ lộ chỉ đá dã, Tát-phộc hạ (NĀGAVILOKITĀYA _ SVĀHĀ)

Nê phộc, nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (DEVA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Năng nga, nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (NĀGA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Dược khắt-sái, nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (YAKṢA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

La kắt-sái sa nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (RĀKṢASA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Ngạn đật phộc tát nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (GANDHARVA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

A tô la nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (ASURA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (GARUḌA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Khẩn na la nga nãi tỳ-dược, Tát-phộc hạ (KIMNARA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Ma hộ la nga nễ tỳ-dược, Tát-phộc hạ (MAHORAGA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Ma nô sái tỳ-dược, Tát-phộc hạ (MANUṢYEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

A ma nô sái tỳ-dược, Tát-phộc hạ (AMANUṢYEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Tạt phộc nghiệt-la hệ tỳ-dược, Tát-phộc hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Tạt phộc bộ đê tỳ-dược, Tát-phộc hạ (SARVA BHŪTEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Bật li đê tỳ-dược, Tát-phộc hạ (PRETEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Tỳ xả tế tỳ-dược, Tát-phộc hạ (PIŚĀCEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

A bả sa-ma lệ tỳ-dược, Tát-phộc hạ (APASMĀREBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Cắm bần nễ tỳ-dược, Tát-phộc hạ (KUMBHĀṆḌEBHYAḤ _ SVĀHĀ)

Ấn, Độ lỗ, độ lỗ, Tát-phộc hạ (OM _ DHURU DHURU _ SVĀHĀ)

Án_ Đổ lỗ, đổ lỗ_ Tát-phộc hạ (OM_ TURU TURU_ SVĀHĀ)
Án_ Mầu lỗ, mầu mầu_ Tát-phộc hạ (OM_ MURU MURU_ SVĀHĀ)
Hạ năng, hạ năng, tát phộc thiết đồ-lỗ năm_ Tát-phộc hạ (HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀM_ SVĀHĀ)
Ná hạ, ná hạ tát phộc nột sắt-tra, bát-la nột sắt-tra năm_ Tát-phộc hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA_ PRADUṢṬANĀM_ SVĀHĀ)
Bát tá, bát tá tát phộc bát-la để dā dịch ca, bát-la để-dā nhĩ đất-la năm (PACA PACA SARVA PRATYARTHĪKA PRATYĀMITRANĀM)
Duệ ma ma (YE MAMA)
A tứ đế sử noa (AHITEṢĪNA)
Đế sam, tát phộc sam, xả li lām, nhập-phộc la dā , nột sắt-tra tức đá năm_ Tát-phộc hạ (TEṢAM SARVESAM ŚARIRAM JVALĀYA_ ADUṢṬA CITTĀNĀM_ SVĀHĀ)
Nhập-phộc lý đá dā_ Tát-phộc hạ (JVALITĀYA_ SVĀHĀ)
Bát-la nhập-phộc lý đá dā_ Tát-phộc hạ (PRAJVALITĀYA_ SVĀHĀ)
Nễ bát-đá nhập-phộc la dā_ Tát-phộc hạ (DĪPTA JVALĀYA_ SVĀHĀ)
Tam mãn đa nhập-phộc la dā_ Tát-phộc hạ (SAMANTA JVALĀYA_ SVĀHĀ)
Ma ni bạt nại-la dā_ Tát-phộc hạ (MAṆIBHADRĀYA_ SVĀHĀ)
Bồ la-noa bả nại-la dā_ Tát-phộc hạ (PŪṆABHADRĀYA_ SVĀHĀ)
Ma hạ ca la dā_ Tát-phộc hạ (MAHĀ KĀLĀYA_ SVĀHĀ)
Ma để-li nga noa dā_ Tát-phộc hạ (MĀTR-GAṆĀYA_ SVĀHĀ)
Dā khát-sử ni năm_ Tát-phộc hạ (YAKṢAṆĪNĀM_ SVĀHĀ)
La khát-ma tỳ năm_ Tát-phộc hạ (RĀKṢASĪNĀM_ SVĀHĀ)
A ca xả ma để-li năm_ Tát-phộc hạ (ĀKĀŚA MĀTRNĀM_ SVĀHĀ)
Tam mầu nại-la phộc tỳ nãnh năm_ Tát-phộc hạ (SAMUDRA VĀSINĪNĀM_ SVĀHĀ)
La để-li, tả la năm_ Tát-phộc hạ (RĀTR- CARĀNĀM_ SVĀHĀ)
Nễ phộc sa, tạt la năm_ Tát-phộc hạ (DIVASA CARĀNĀM_ SVĀHĀ)
Để-li tán-đình, tạt la năm_ Tát-phộc hạ (TRISANTYA CARĀNĀM_ SVĀHĀ)
Vĩ la, tạt la năm_ Tát-phộc hạ (VELA CARĀNĀM_ SVĀHĀ)
A vĩ la, tạt la năm_ Tát-phộc hạ (AVELA CARĀNĀM_ SVĀHĀ)
Nghiệt bà ha lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GARBHA HĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ)
Nghiệt bà tán đá la ni. Hộ lỗ, hộ lỗ_ Tát-phộc hạ (GARBHA SANDHĀRAṆĪ HURU HURU_ SVĀHĀ)
Án_ Tát-phộc hạ (OM_ SVĀHĀ)
Tát phộc_ Tát-phộc hạ (SVĀH_ SVĀHĀ)
Bộc_ Tát-phộc hạ (BHŪḤ_ SVĀHĀ)
Bộ phộc_ Tát-phộc hạ (BHŪVĀḤ_ SVĀHĀ)
Án, bộ la-bộ phộc, tát-phộc_ Tát-phộc hạ (OM_ BHŪR-BHŪVĀḤ_ SVĀH_ SVĀHĀ)
Tức trung, tức trung_ Tát-phộc hạ (CITI CITI_ SVĀHĀ)
Vĩ trung, vĩ trung_ Tát-phộc hạ (VITI VITI_ SVĀHĀ)
Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHĀRAṆĪ_ SVĀHĀ)
Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHARAṆĪ_ SVĀHĀ)
A ngận-nãnh_ Tát-phộc hạ (AGNI_ SVĀHĀ)
Đế tô, phộc bô_ Tát-phộc hạ (TEJO VAPU_ SVĀHĀ)

Tức lý, tức lý _ Tát-phộc hạ (CILI CILI_ SVĀHĀ)
Tất lý, tất lý _ Tát-phộc hạ (SILI SILI_ SVĀHĀ)
Một đình, một đình _ Tát-phộc hạ (BUDDHYA BUDDHYA_ SVĀHĀ)
Tất đình, tất đình _ Tát-phộc hạ (SIDDHYA SIDDHYA_ SVĀHĀ)
Mạn noa la tất đệ _ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA SIDDHE_ SVĀHĀ)
Man noa la măn đệ _ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA BANDHE_ SVĀHĀ)
Tỷ ma măn đà nãnh _ Tát-phộc hạ (ŚĪMA BANDHANI_ SVĀHĀ)
Tát phộc thiết đốt-lỗ nãm, tiệm bà tiệm bà _ Tát-phộc hạ (SARVA ŚATRŪNĀM_ JAMBHA JAMBHA_ SVĀHĀ)
Sa đãm-bà dĩa, sa đãm-bà dĩa _ Tát-phộc hạ (STAMBHĀYA STAMBHĀYA_ SVĀHĀ)
Thân ná, thân ná _ Tát-phộc hạ (CCHINDA CCHINDA_ SVĀHĀ)
Tần ná, tần ná _ Tát-phộc hạ (BHINDA BHINDA_ SVĀHĀ)
Bạn nhạ, bạn nhạ _ Tát-phộc hạ (BHAÑJA BHAÑJA_ SVĀHĀ)
Mãn đà, mãn đà _ Tát-phộc hạ (BANDHA BANDHA_ SVĀHĀ)
Mãng hạ dĩa, mãng hạ dĩa _ Tát-phộc hạ (MOHAYA MOHAYA_ SVĀHĀ)
Ma nĩ, vĩ thuận đệ _ Tát-phộc hạ (MAṆI VIŚUDDHE_ SVĀHĀ)
Tố lệ-duệ, tố lệ-duệ, tố lệ-dĩa, vĩ thuận đệ, vĩ thú đà nãnh _ Sa-phộc hạ (SŪRYE SŪRYE_ SŪRYA VIŚUDDHE VIŚODHANE_ SVĀHĀ)
Chiến niết-lệ, chiến niết-lệ, bổ la-noa chiến niết-lệ _ Tát-phộc hạ (CANDRE CANDRE PŪRṆA CANDRE_ SVĀHĀ)
Nghiệt-la nễ tỳ-dược _ Tát-phộc hạ (GRAHEBHYAḤ_ SVĀHĀ)
Nhược khát-sát để-lệ tỳ-dược _ Tát-phộc hạ (NAKṢATREBHYAḤ_ SVĀHĀ)
Thủy phệ _ Tát-phộc hạ (ŚIVE_ SVĀHĀ)
Phiến để _ Tát-phộc hạ (ŚĀNTI_ SVĀHĀ)
Tát phộc sa để-dĩa dĩa nãnh _ Tát-phộc hạ (SVASTYA YANE_ SVĀHĀ)
Thủy noan yết-lị. phiến để yết lị, bổ sát-trí yết lị, ma la mặt đạt nãnh _ Tát-phộc hạ (ŚIVAM KARI_ ŚĀNTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI_ SVĀHĀ)
Thất-lị yết lị _ Tát-phộc hạ (ŚRĪ-KARI_ SVĀHĀ)
Thất-lị dĩa mặt đạt nãnh _ Tát-phộc hạ (ŚRĪYA VARDHANI_ SVĀHĀ)
Thất-lị dĩa nhập-phộc la nãnh _ Tát-phộc hạ (ŚRĪYA JVALANI_ SVĀHĀ)
Nặng mẫu tử _ Tát-phộc hạ (NAMUCI_ SVĀHĀ)
Ma lỗ tử _ Tát-phộc hạ (MARUCI_ SVĀHĀ)
Phệ nga phộc để _ Tát-phộc hạ (VEGA VATI_ SVĀHĀ)
 *)
Án _ tát phộc đát tha nga đa một lệ-để (OM_ SARVA TATHĀGATA MŪRTTE)
Bát-la phộc la vĩ nga đa (PRAVARA VIGATI)
Bà duệ xả ma dĩa (BHAYE ŚAMAYA)
Tát-phộc minh (SVAME)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)
Tát phộc bá bế tỳ-dụ sa-phộc sa-để bà phộc đồ (SARVA PĀPEBHYAḤ SVĀSTIRBHAVATU)
Mẫu nãnh, mẫu nãnh, vĩ mẫu nãnh (MUṆI MUṆI VIMUṆI)
Tả lệ tả la ninh (CARE CALANE)
Bà dĩa vĩ nga để (BHAYA VIGATE)
Bà dĩa ha la ni (BHAYA HĀRANI)

Mạo địa, mạo địa (BODHI BODHI)
Mạo đà dã, mạo đà dã (BODHIYA BODHIYA)
Một địa lý, một địa lý (BUDHILI BUDHILI)
Tát phộc đất tha nga đa hột-lã nãi dã, tức sắt tai- Tát-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA HRDAYA JUṢṬAI_ SVĀHĀ)
 *)
Án_ phộc nhật-la phộc đề (OM_ VAJRA VATI)
Phộc nhật-la bát-la đề sắt-xỉ đề (VAJRA PRATIṢṬITE)
Thuần đệ (ŚUDDHE)
Đất tha nga đa mẫu nại-la, địa sắt xá-năng, địa sắt xỉ-đề (TATHĀGATA MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)
Tát-phộc hạ (SVĀHĀ)
 *)
Án_ mẫu nãnh, mẫu nãnh, mẫu nãnh phộc lệ (OM_ MUNI MUNI MUNI VARE)
A tị tru tá đồ hàm (ABHIṢIMCA TUMAM)
Tát phộc đất tha nghiệt đa (SARVA TATHĀGATA)
Tát phộc vĩ nễ-dã tị sái kế (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)
Ma hạ phộc nhật-la ca phộc tá mẫu nại-la (MAHĀ VAJRA KAVACA MUDRA)
Mẫu nại-lị đới (MUDRITEḤ)
Tát phộc đất tha nga đa khát-lã nãi dạ, địa sắt-xỉ đa (SARVA TATHĀGATA HRDAYA ADHIṢṬITA)
Phộc nhật-lê_ Sa-phộc hạ (VAJRE _ SVĀHĀ)

Bây giờ Đức Bạc Già Phạm nói **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tĩnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Án Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Tùy Cầu Đại Đà La Ni** này xong, lại bảo nhóm Đại Phạm rằng: “Này Đại Phạm! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào vừa mới nghe qua Đà La Ni này thì hết thấy tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt. Nếu hay đọc tụng thọ trì tại Tâm, nên biết người đó là thân kiên cố của Kim Cương, lửa chẳng thể đốt, đao chẳng thể hại, độc chẳng bị trúng.

_ Này Đại Phạm! Vì sao biết là Lửa chẳng thể thiêu đốt được? Ở đại thành **Ca Tỳ La** (Kapilavastu), lúc **La Hầu La Đồng Tử** (Rāhula-kumāra) còn nằm trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yasodhara), vốn là người nữ thuộc dòng **Thích Ca** (Śākya), bà bị ném vào hầm lửa. Lúc đó La Hầu La nằm trong thai mẹ nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy liền tự trong mát, biến thành ao sen. Tại sao thế? Vì Đà La Ni này là lực gia trì của tất cả Như Lai vậy. Đại Phạm nên biết, do nhân duyên đây mà lửa chẳng thể thiêu đốt được.

_ Lại nữa Đại Phạm! Chết độc chẳng thể gây hại. Như cái thành **Thiện Du** có người con của vị Trưởng Giả **Phong Tài** (Bhogavatī), trì tụng Mật Ngôn do **Thế Thiên** nói. Người đó dùng sức Trí Minh cầu triệu Long Vương **Đức Xoa Ca** (Takṣaka) mà quên **Kết Giới** (Śīma-bandhana) Hộ Thân. Vị Long Vương ấy giận dữ nghĩ rằng làm cho người kia chịu nỗi đau khổ nặng nề và sắp sửa mất mạng. Rất nhiều người Trí Minh trợ giúp nhưng chẳng thể cứu hộ được. Ở trong cái thành ấy, có một vị **Ưu Bà Di** (Upāsika: Cận Sự Nữ) tên là **Vô Cấu Thanh Tĩnh** (Amala-viśuddhe) thường trì **Tùy Cầu Đại Minh Đà La Ni** này. Vị Ưu Bà Di đó đã thành tựu **Đại Bi**, khởi lòng thương xót đi đến nơi ấy dùng Đà La Ni này gia trì cho. Vừa mới tụng một biến thì chết

độc kia liền bị tiêu diệt và người kia được bình phục như cũ. Khi đó người con của vị Trưởng Giả ở chỗ của vị **Vô Cấu Thanh Tĩnh** thọ nhận Đà La Ni này và ghi nhớ tại Tâm. **Đại Phạm** nên biết đó là chất độc chẳng thể gây hại được.

Lại nữa Đại Phạm! Ở thành **Phiệt La Nại Tur** (Vāraṇasī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Vua nước lân cận là kẻ có thế lực lớn nên đã khởi bốn loại binh đến chinh phạt Phạm Thí. Thời vị cân thân liền tâu với vua Phạm Thí rằng: “*Đại Vương! Nay quân địch đi đến chiếm đoạt thành ấp của chúng ta. Mong Đại Vương ban lệnh cho chúng tôi phải dùng kế sách nào để đẩy lui quân địch ấy?*”

Lúc đó, Phạm Thí bảo quần thần rằng: “*Nay các người đừng vội chống cự. Ta có **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni**. Do uy lực của Đà La Ni này hay đập tan quân địch khiến cho chúng giống như đám tro tàn vậy*”

Các quần thần liền cúi đầu tâu rằng: “*Đại Vương! Bọn hạ thần chúng tôi chưa từng nghe qua điều này*”

Đức vua lại bảo rằng: “*Nay các người sẽ thấy sự hiệu nghiệm ngay lập tức*”.

Khi ấy, **Phạm Thí** liền dùng nước thơm tắm gội, mặc áo mới sạch, y theo Pháp viết chép Đà La Ni này, bỏ vào trong cái hộp rồi đặt ở trong búi tóc trên đầu. Nhà vua dùng **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** này hộ thân, mặc áo giáp rồi đi ngay vào quân trận. Một mình nhà vua đánh nhau với bốn loại binh, giáng phục và khiến chúng quy hàng.

Đại Phạm nên biết **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này là nơi gia trì của tất cả **Như Lai Tâm An** nên có sự thần nghiệm to lớn. Ông nên thọ trì và phải biết Đà La Ni này ngang bằng với chư Phật. Sau này vào thời Mật Pháp sẽ vì những Hữu Tinh: đoản mệnh, kém phước, không có phước, chẳng chịu tu phước.... mà làm lợi ích cho họ vậy.

Này Đại Phạm! **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** này, y theo Pháp viết chép rồi cột trên cánh tay hoặc đeo dưới cổ. Nên biết người đó là **nơi gia trì của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó ngang đồng với **Thân của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó là **thân bền chắc của Kim Cương**. Nên biết người đó là **Thân của tất cả Như Lai Tạng**. Nên biết người đó là **con mắt của tất cả Như Lai**, nên biết người đó là **Thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó là **giáp trụ bất hoại**. Nên biết người đó hay đập nát tất cả oán địch. Nên biết người đó hay thiêu đốt tất cả tội chướng. Nên biết người đó hay làm cho nẻo Địa Ngục được thanh tịnh.

Này Đại Phạm! Vì sao lại biết được như thế ? Khi xưa có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu: Tỳ Khưu) mang Tâm hoại niềm tin trong sạch (Tĩnh Tín), làm nhiều điều vi phạm Chế Giới của Như Lai, ăn trộm tài vật của Tăng hiện tiền với vật của Tăng Kỳ Chúng, vật của Tứ Phương Tăng đem dùng làm của riêng. Sau đó bị bệnh nặng phải chịu sự khổ não lớn lao. Thời vị Bật Sô ấy không có người cứu tế nên kêu gào to tiếng.

Tức ở xứ đó có một vị **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka: Cận Sự Nam) thuộc dòng **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) nghe tiếng kêu gào liền đi đến chỗ vị Bật Sô bị bệnh kia, khởi Tâm xót thương rộng lớn, liền vì vị Tăng ấy viết chép **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni** này rồi đeo dưới cổ vị Tăng. Vị Bật Sô ấy đều dứt hết mọi sự khổ não, chết ngay và bị đọa vào Địa Ngục **Vô Gián**. Thi hài của vị Bật Sô ấy được đưa vào trong cái Tháp nhưng trên thân vẫn đeo Đà La Ni đó. Do nhân ấy, khi vị Bật Sô vừa mới đọa vào Địa Ngục thì bao nhiêu sự đau khổ của kẻ thọ tội đều được chặn đứng, thấy đều được an vui. Bao nhiêu ngọn lửa mạnh mẽ của **Địa Ngục A Tỳ** (Avīci) do sức Uy Đức của Đà La Ni này thấy đều tiêu diệt.

Bấy giờ **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yamapāla-purūṣā) nhìn thấy hiện tượng đó thì rất kinh ngạc, liền đến trình báo với **vua Diêm Ma** (Yama-rāja) và nói **Già Đà** (Gātā: Kệ Tụng) rằng :

*“Nay Đại Vương nên biết
Việc này rất đặc biệt
Ở nơi hiểm ách lớn
Khổ não đều ngưng nghỉ
Nghịch ác của chúng sinh
Ngọn lửa mạnh đều diệt
Cửa cắt tự dừng đứng
Đao kiếm chẳng thể hại
Cây đao và rìng kiếm
Các nỗi khổ giết mổ
Nồi nước nóng, ngục khác
Khổ não đều ngưng trừ
Diêm Ma (Yama) là **Pháp Vương** (Dharma-rāja)
Dùng Pháp trị Hữu Tình
Nhân duyên này chẳng nhỏ
Xin giúp tôi trừ nghịch”*

_ Thời Đức vua Diêm La
Từ **Vô Bi Ngục Tốt**
Nghe việc như vậy xong
Liên nói lời như vậy :
*“ Việc này thật kỳ lạ!
Đều do nghiệp sở cảm
Ngươi đến thành Mãn Túc
Xét xem việc thế nào?”*

_ Ngục tốt nhận sắc lệnh
Ngay vào lúc đầu đêm
Phía Nam thành Mãn Túc
Nhìn Tháp của Bất Sô
Liên thấy trên thi hài
Đeo Chú Đại Minh Vương
Tuỳ Cầu Đà La Ni
Tỏa ánh hào quang lớn
Rực rỡ như đám lửa
Trời, Rồng với Dược Xoa
Chúng Tám Bộ vây quanh
Cung kính mà cúng dường
Thời Ngục Tốt Diêm Ma

Đặt hiệu **Tháp Tuỳ Cầu** (Pratisārah: Đây là tên cái Tháp chứa thi hài của vị Tăng)
Khi ấy **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yamapāla-purūṣā) quay về nơi vua ngục, trình bày đầy đủ sự việc trên với vua Diêm Ma: “Vị Bất Sô kia nương theo uy lực của Đà La Ni này mà tội chướng đều được tiêu diệt và được sinh về cõi **Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃśa-deva). Nhân vì thân trước, mà vị Trời này có hiệu là **Tuỳ Cầu Thiên Tử** (Pratisāra-devaputra)

_ Đại Phạm nên biết Đà La Ni này có uy lực to lớn. Ông nên thọ trì, viết chép, đọc tụng, y theo Pháp mà đội đeo ắt thường được xa lìa tất cả khổ não, tất cả nẻo ác và chẳng bị sấm sét gây thương hại.

Làm sao mà biết được?

Này Đại Phạm! Ở thành **Hình Ngu Mật Đàn** có vị Trưởng Giả tên là **Vĩ Ma La Thương Khư** (Vimala-saṅkha). Ông là nhà cự phú, kho tàng cất chứa đầy dẫy vàng bạc với rất nhiều tiền gạo. Khi ấy Vị Trưởng giả đó là một vị thương chủ, ông dùng chiếc thuyền lớn đi vào biển để tìm kiếm báu vật. Lúc ở giữa biển lớn, ông gặp con cá **Đê Di** muốn phá nát thuyền. Vị Long Vương trong biển ấy lại sinh tâm giận dữ, khởi sấm sét lớn, gào thét tạo ra mây sấm và mưa đá Kim Cương.

Thời các thương nhân nhìn thấy cơn mưa đá sấm sét này đều buồn rầu phiền não và rất sợ hãi liền gấp rút kêu gọi cầu cứu nhưng vẫn không có ai đến cứu giúp. Bấy giờ chúng thương nhân đến gặp vị thương chủ, khóc lóc bi than và nói rằng: *“Nhân Giả có kế sách nào cứu giúp cho chúng tôi xa lìa khỏi nỗi lo âu sợ hãi này chăng?!...”*

Lúc đó vị thương chủ không hề sợ hãi. Nhờ chí tính kiên cố, có đại Trí tuệ nên khi thấy các thương nhân bị sợ hãi bức bách. Ông liền bảo rằng: *“Này các thương nhân! Các ông đừng sợ mà hãy khởi tâm mạnh mẽ cứng cáp. Nay tôi sẽ giúp các ông miễn trừ sự sợ hãi này”*

Các thương nhân ấy sinh tâm cứng mạnh, lại nói rằng: *“Đại thương chủ! Nguyên xin mau chóng nói phương cách trừ tai nạn, khiến cho chúng tôi bảo tồn được mạng sống “*

Vị thương chủ ấy liền bảo các thương nhân rằng: *“Tôi có Đại Minh Vương tên là Tùy Cầu Đà La Ni, có thần thông to lớn hay giáng phục các điều khó điều phục. Nay tôi giúp các ông thoát khỏi sự ưu não này”*

Vị thương chủ liền viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này đặt trên đầu cây phướng. Tức thời con cá Đê Di nhìn thấy chiếc thuyền này tỏa ánh sáng rực rỡ như đám lửa mạnh mẽ. Do **Đại Uy Lực Trí Hỏa** của Đà La Ni này thiêu đốt, con cá Đê Di liền tiêu tan. Các hàng Long Vương ấy nhìn thấy tướng này đều khởi Tâm từ, liền bay từ trên hư không xuống, rộng làm cúng dường và đưa chiếc thuyền này đến bãi chứa vật báu.

Này Đại Phạm ! Điều này đều do **Đại Trí Đại Minh Đại Tùy Cầu** dùng nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai cho nên có tên là **Đại Minh Vương** (Mahā-vidya-rāja).

Nếu có người viết chép Đà La Ni này, đặt ở đầu cây phướng trên thuyền thì hay chặn đứng tất cả gió ác, mưa đá, nóng lạnh không đúng thời tiết, sấm chớp, sét đánh. Hay chặn đứng sự kiện cáo tranh đấu của tất cả chư Thiên. Hay trừ tất cả muỗi mòng, Hoàng Trùng (loài sâu ăn lúa mạ) với các loài ăn lúa mạ khác...thầy đều lui tan. Hay làm cho tất cả loài thú mạnh ác có móng vuốt sắc bén chẳng thể gây hại. Hay khiến cho tất cả lúa mạ, hoa quả, cỏ thuốc thầy đều tăng trưởng hương vị và có thân thể tốt đẹp trơn láng. Nếu đất nước bị nạn khô hạn chẳng thể điều phục, do uy lực của Đà La Ni này thì Long Vương vui vẻ tuôn mưa đúng thời tiết.

Lại nữa Đại Phạm! Nếu có nơi lưu bố Đại Tùy Cầu Đà La Ni này thì các Hữu Tình đã biết điều này, nên dùng hương hoa, phướng, lọng, mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp, hoặc đặt trên đầu cây phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiều quanh cúng dường, chân thành lễ bái. Ắt mọi việc suy tư, ước vọng mong cầu trong Tâm của các Hữu Tình ấy đều được mãn túc.

Nếu có thể y theo Pháp viết chép rồi đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở an vui.

Này Đại Phạm! Làm sao mà biết được? Xưa kia ở nước **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyên Thủ** (? Pratisāra-pāṇi). Do nhân duyên gì mà có tên là **Thí Nguyên Thủ**? Lúc vị vua ấy sinh ra, liền giơ tay nắm bầu vú của mẹ. Do bàn tay chạm vào vú mẹ thì bầu vú mẹ biến thành màu vàng, vú mẹ tăng trưởng tự nhiên và tuôn chảy sữa. Nếu có chúng nhân đi đến cầu xin thì nhà vua đuổi bàn tay phải, **khởi niềm tin trong sạch nơi Phật Bồ Tát** thì chư Thiên nghiêng rót mọi thứ trân bảo màu nhiệm đều nhập vào bàn tay của nhà vua mà ban cho người cầu xin. Tùy theo sự tu hành của người ấy mà đều được đầy đủ và đều thành tựu mọi sự an vui. Do nhân duyên ấy nên có tên là **Thí Nguyên Thủ**.

Vị vua ấy vì cầu con nên cúng dường chư Phật với các Tháp Miếu nhưng cầu con chẳng được. Nhà vua giữ gìn Trai Giới, rộng bày **Vô Già Thí Hội**, rộng tu phước nghiệp hộ trì Tam Bảo, tu sửa chùa chiền bị phá hoại trong tương lai, làm một kho cất chứa.

Tại sao thế? Này Đại Phạm! Ta nhớ về thời quá khứ, ở quốc cảnh Ma Già Đà này trong thành **Câu Thi Na** (Kusinagara), phần lớn tụ lạc Đại Lực Sĩ đều theo giáo Pháp của Như Lai. Khi ấy có một vị Trưởng Giả tên là **Pháp Tuệ** (Dharma-mati) đối với tất cả chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, vì các Hữu Tình nói Pháp yếu của Đại Tùy Cầu Đà La Ni này.

Ngay thời ấy, ở trong nhà Trưởng Giả có một người nghèo nghe được Pháp màu nhiệm này thì nói với Trưởng Giả Tử rằng: *“Trưởng Giả Tử! Tôi ở trong nhà của ông làm việc, thường vui nghe Pháp. Tôi sẽ cúng dường Pháp này”*

Người nghèo túng ấy ở nhà của vị Trưởng Giả, làm đủ mọi việc, lại cúng dường Pháp. Về sau, lúc Trưởng Giả Tử ấy trao cho một đồng tiền vàng. Nhận xong, người ấy phát Tâm Bồ Đề muốn cứu giúp chúng sinh, rồi dùng Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Người ấy liền đem đồng tiền vàng có được, cúng dường Đại Tùy Cầu Đà La Ni này và phát nguyện rằng: *“Dùng Phước xả thí này, nguyện cho tất cả Hữu Tình cắt đứt được nghiệp nghèo túng”*.

Do nhân duyên này mà Phước xả thí ấy không hề chấm dứt. Như vậy phần lớn nhân duyên gieo trồng Phước là cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Vì phước nghiệp này, Tịch Cư Thiên Tử hiện ở trong mộng báo cho nhà vua rằng: *“Nay Đại Vương có thể y theo Pháp, viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này, khiến cho Đại Phu Nhân giữ Trai Giới và đeo giữ, ắt có con cái”*.

Khi tỉnh giấc, nhà vua cho triệu thỉnh một người xem tướng với chúng Bà La Môn có Trí, chọn ngày trực của Tú Diệu tốt, y theo Pháp giữ Trai Giới, viết chép Đà La Ni này khiến cho Phu Nhân đeo dưới cổ. Lại liền cúng dường Tháp Tốt Đồ Ba (Stūpa: Tháp nhiều tầng), chư Phật Bồ Tát, rộng hành xả thí... Ứng thời có mang, đầy đủ ngày tháng sinh ra một đứa con đầy đủ sắc tướng đoan nghiêm thù thắng, người nhìn thấy đều vui vẻ.

Đại Phạm nên biết đây là uy lực của **Vô Năng Thắng Vô Ngại Đại Tùy Cầu Bảo Ân Tâm Đại Minh Vương Đà La Ni**, là nơi cúng dường của tất cả Như Lai. Ai có mong cầu đều được vừa ý”

Lại bảo Đại Phạm: “Người nghèo làm công cho nhà Trưởng Giả Tử **Pháp Tuệ** lúc ấy chẳng phải ai xa lạ mà chính là Vua Thí Nguyên Thủ vậy. Do đời quá khứ xả thí một đồng tiền vàng, cúng dường Đại Tùy Cầu Đà La Ni này rồi hồi thí cho tất cả Hữu

Tình. Do nhân duyên ấy mà được Phước vô tận, nên thân đời sau được làm quốc vương, tin tưởng trong sạch nơi Tam Bảo, Tâm chẳng thoái lui, rộng hành xả thí, thành tựu **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bồ Thí Ba La Mật)”

PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO AN TÂM
VÔ NẰNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYÊN THƯỢNG (Hết)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
Đến nghe Phật Pháp nên chí Tâm
Ứng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyên các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp tẩy tiêu trừ
Xa lìa các khổ về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc